



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số: 1960 / QĐ - VPCNCL ngày 23 tháng 10 năm 2023
của Giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng)

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng thí nghiệm Điện - Điện tử**

Laboratory: **Laboratory of Electrical - Electronic**

Cơ quan chủ quản: **Công ty Cổ phần Thiết bị Điện mỏ**

Organization: **Mining Electrical Equipment Joint Stock Company**

Lĩnh vực thử nghiệm: **Điện - Điện tử**

Field of testing: **Electrical - Electronic**

Người quản lý/
Laboratory manager: **Nguyễn Chí Dũng**

Người có thẩm quyền ký/ Approved signatory:

TT	Họ và tên/ Name	Phạm vi được ký/ Scope
1.	Đỗ Cao Cường	Các phép thử được công nhận/
2.	Nguyễn Chí Dũng	Accredited tests

Số hiệu/ Code: **VILAS 1385**

Hiệu lực công nhận/ Period of Validation: **từ ngày 23 / 10 / 2023 đến ngày 23 / 09 / 2024**

Địa chỉ/ Address:

Cụm công nghiệp Cẩm Thịnh, phường Cẩm Phú, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

Địa điểm/Location:

Cụm công nghiệp Cẩm Thịnh, phường Cẩm Phú, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

Điện thoại/ Tel: **0203 3866239**

Fax: **0203 3866239**

E-mail: **thietbidienmoqn@gmail.com**

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1385

Lĩnh vực thử nghiệm: Điện – Điện tử

Field of testing: Electrical – Electronic

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Máy biến áp điện lực (x) <i>Power transformer</i>	Đo điện trở cách điện <i>Measurement of insulation resistance</i>	1kΩ / (10 kΩ ~ 1 TΩ) (250, 500, 1000, 2500, 5000) V DC	TCVN 6306-3:2006 (IEC 60076-3:2000)
2.		Thử nghiệm điện áp xoay chiều tăng cao tần số công nghiệp <i>Power frequency withstanding voltage test</i>	0,1 kV/ (10 ~ 100) kV AC	
3.		Đo điện trở cuộn dây bằng dòng một chiều ở trạng thái nguội <i>Measurement of winding resistance by DC current at reality cool state</i>	1 μΩ/ (10 μΩ ~ 20 kΩ)	TCVN 6306-1:2015 (IEC 60076-1:2011)
4.	Máy điện quay (x) <i>Rotating electrical machine</i>	Đo điện trở cách điện các cuộn dây với vỏ và giữa các cuộn dây với nhau <i>Insulation resistance test between winding and frame, one winding and other winding</i>	1kΩ / (10 kΩ ~ 1 TΩ) (250, 500, 1000, 2500, 5000) V DC	TCVN 6627-18- 34:2014 (IEC 60034-18- 34:2012)
5.		Đo điện trở cuộn dây bằng dòng một chiều ở trạng thái nguội <i>Measurement of winding resistance by DC current at reality cool state</i>	1 μΩ/ (10 μΩ ~ 20 kΩ)	
6.	Máy biến điện áp kiểu cảm ứng (x) <i>Inductive voltage transformer</i>	Thử nghiệm điện áp chịu thử AC tần số công nghiệp trên cuộn dây sơ cấp <i>Voltage test under industrial frequency AC test on primary winding</i>	0,1 kV/ (10 ~ 100) kV AC	TCVN 7697-2:2007 (IEC 60044-2:2003)
7.	Máy biến dòng điện (x) <i>Current transformer</i>	Thử nghiệm điện áp chịu thử AC tần số công nghiệp trên cuộn dây sơ cấp <i>Voltage test under industrial frequency AC test on primary winding</i>	0,1 kV/ (10 ~ 100) kV AC	TCVN 7697-1:2007 (IEC 60044-1:2003)
8.	Thiết bị đóng cắt điều khiển hạ thế (x) <i>Low voltage switchgear and controlgear</i>	Đo điện trở cách điện <i>Measurement of insulation resistance</i>	1kΩ / (10 kΩ ~ 1 TΩ) (250, 500, 1000, 2500, 5000) V DC	TCVN 7994-1:2009 (IEC 60439-1:2004)

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 1385**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
9.	Role điện (x) <i>Electrical relays</i>	Xác định sai số liên quan đến thời gian quy định <i>Determination of error concerning specified time</i>	1 ms / (0,01 ~ 99,9) s	TCVN 7883-8:2008 (IEC 60255-8:1990)
10.		Đo điện trở cách điện <i>Measurement of insulation resistance</i>	1 k Ω / (10 k Ω ~ 1 T Ω) (250, 500, 1000, 2500, 5000) V DC	

Ghi chú / Notes:(x): Phép thử có thực hiện tại hiện trường/ *On-site tests*IEC: Ủy ban kỹ thuật điện Quốc tế/ *International Electrotechnical Commission* 